



**DANH MỤC THIẾT BỊ ĐÀO TẠO TỐI THIỂU  
NGÀNH, NGHỀ ĐIỀU DƯỠNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

**1. Phòng kỹ thuật cơ sở**

| STT | Tên thiết bị          | Đơn vị | Số lượng |
|-----|-----------------------|--------|----------|
| 1   | Máy vi tính           | Bộ     | 01       |
| 2   | Máy chiếu (Projector) | Bộ     | 01       |

**2. Phòng học ngoại ngữ**

| STT | Tên thiết bị                                | Đơn vị | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------|--------|----------|
| 1   | Bàn điều khiển và Khối điều khiển trung tâm | Bộ     | 01       |
| 2   | Phần mềm điều khiển (LAB)                   | Bộ     | 01       |
| 3   | Khối điều khiển thiết bị ngoại vi           | Bộ     | 01       |
| 4   | Máy chiếu (Projector)                       | Bộ     | 01       |
| 5   | Máy vi tính                                 | Bộ     | 19       |
| 6   | Tai nghe                                    | Bộ     | 19       |
| 7   | Máy scan                                    | Chiếc  | 01       |
| 8   | Thiết bị lưu trữ dữ liệu                    | Chiếc  | 01       |

**3. Phòng thực hành máy vi tính**

| STT | Tên thiết bị                           | Đơn vị | Số lượng |
|-----|----------------------------------------|--------|----------|
| 1   | Máy vi tính                            | Bộ     | 19       |
| 2   | Máy chiếu (Projector)                  | Bộ     | 01       |
| 3   | Bộ phần mềm văn phòng Microsoft Office | Bộ     | 01       |
| 4   | Bộ phần mềm phonng chữ tiếng Việt      | Bộ     | 01       |
| 5   | Phần mềm diệt virus                    | Bộ     | 01       |
| 6   | Máy scan                               | Chiếc  | 01       |
| 7   | Thiết bị lưu trữ dữ liệu               | Chiếc  | 01       |
| 8   | Máy in                                 | Chiếc  | 01       |

#### 4. Phòng thực hành Kỹ thuật điều dưỡng

| STT | Tên thiết bị                         | Đơn vị | Số lượng |
|-----|--------------------------------------|--------|----------|
| 1   | Đồng hồ bấm giây                     | Chiếc  | 03       |
| 2   | Máy vi tính                          | Bộ     | 01       |
| 3   | Máy chiếu (Projector)                | Bộ     | 01       |
| 4   | Giường người bệnh                    | Chiếc  | 01       |
| 5   | Chăn                                 | Chiếc  | 01       |
| 6   | Đệm                                  | Chiếc  | 01       |
| 7   | Đệm hơi, nước                        | Chiếc  | 01       |
| 8   | Ga trải giường                       | Chiếc  | 01       |
| 9   | Gối                                  | Chiếc  | 01       |
| 10  | Săng trải giường                     | Chiếc  | 01       |
| 11  | Tấm lót                              | Chiếc  | 01       |
| 12  | Tủ đầu giường                        | Chiếc  | 01       |
| 13  | Cáng                                 | Chiếc  | 01       |
| 14  | Xe cáng người bệnh                   | Chiếc  | 01       |
| 15  | Xe đẩy dùng cho người bệnh           | Chiếc  | 01       |
| 16  | Xe đẩy dụng cụ, thuốc                | Chiếc  | 01       |
| 17  | Nhiệt kế thủy ngân                   | Bộ     | 03       |
| 18  | Nhiệt kế điện tử                     | Chiếc  | 03       |
| 19  | Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe | Bộ     | 03       |
| 20  | Huyết áp kế điện tử                  | Chiếc  | 03       |
| 21  | Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe       | Bộ     | 03       |
| 22  | Máy cạo râu                          | Chiếc  | 03       |
| 23  | Máy hút dịch 2 bình                  | Chiếc  | 03       |
| 24  | Máy khí rung                         | Chiếc  | 03       |
| 25  | Máy sấy tóc                          | Chiếc  | 03       |
| 26  | Bàn chải                             | Chiếc  | 03       |
| 27  | Bàn chải mềm                         | Chiếc  | 03       |
| 28  | Băng buộc                            | Chiếc  | 03       |
| 29  | Băng chun                            | Cuộn   | 03       |
| 30  | Băng cuộn                            | Cuộn   | 03       |
| 31  | Băng Esmarch                         | Cuộn   | 03       |
| 32  | Bảng phooc                           | Chiếc  | 01       |
| 33  | Bảng tam giác                        | Chiếc  | 03       |
| 34  | Bát và 2 thìa                        | Bộ     | 03       |
| 35  | Bình làm ấm                          | Chiếc  | 03       |
| 36  | Bình oxy                             | Chiếc  | 03       |
| 37  | Bình phong                           | Chiếc  | 03       |
| 38  | Bô                                   | Chiếc  | 03       |

| STT | Tên thiết bị                           | Đơn vị | Số lượng |
|-----|----------------------------------------|--------|----------|
| 39  | Bô dẹt                                 | Chiếc  | 03       |
| 40  | Bô vít                                 | Chiếc  | 03       |
| 41  | Bộ dây đo áp lực tĩnh mạch trung tâm   | Bộ     | 03       |
| 42  | Bộ nẹp gỗ sơ cứu (10 thanh)            | Bộ     | 03       |
| 43  | Bộ thử test đầu giường                 | Bộ     | 03       |
| 44  | Bốc thụt                               | Chiếc  | 03       |
| 45  | Bơm tiêm                               | Bộ     | 19       |
|     | Mỗi bộ bao gồm                         |        |          |
|     | Loại 20 ml                             | Chiếc  | 01       |
|     | Loại 50 ml                             | Chiếc  | 01       |
| 46  | Bồn đựng nước vô khuẩn, vòi có van gạt | Chiếc  | 03       |
| 47  | Bóngambu                               | Chiếc  | 03       |
| 48  | Ca                                     | Chiếc  | 03       |
| 49  | Cốc chia vạch                          | Chiếc  | 03       |
| 50  | Cốc đựng bông tẩm dầu Parafin          | Chiếc  | 03       |
| 51  | Cốc đựng thức ăn                       | Chiếc  | 03       |
| 52  | Cốc đựng thuốc                         | Chiếc  | 03       |
| 53  | Cốc                                    | Chiếc  | 03       |
| 54  | Bình đựng nước nguội                   | Chiếc  | 03       |
| 55  | Phích đựng nước nóng                   | Chiếc  | 03       |
| 56  | Canuyn và khóa van                     | Chiếc  | 03       |
| 57  | Chậu                                   | Chiếc  | 03       |
| 58  | Chậu inox                              | Chiếc  | 03       |
| 59  | Cọc truyền inox 2 tai treo             | Chiếc  | 01       |
| 60  | Dao mổ + cán dao                       | Chiếc  | 03       |
| 61  | Dây cao su mềm                         | Chiếc  | 03       |
| 62  | Dây dẫn đo áp lực dịch não tủy         | Chiếc  | 03       |
| 63  | Dây dẫn lưu màng phổi                  | Chiếc  | 03       |
| 64  | Dây dẫn lưu màng tim                   | Chiếc  | 03       |
| 65  | Dây dẫn lưu ổ bụng                     | Chiếc  | 03       |
| 66  | Dây garo và gói nhỏ                    | Bộ     | 03       |
| 67  | Dây thở oxy 2 nhánh                    | Chiếc  | 03       |
| 68  | Dây truyền                             | Chiếc  | 03       |
| 69  | Đè lưới                                | Chiếc  | 03       |
| 70  | Đèn côn                                | Chiếc  | 03       |
| 71  | Đèn soi thanh quản                     | Chiếc  | 03       |
| 72  | Hộp inox chữ nhật                      | Chiếc  | 03       |
| 73  | Hộp đựng bông gạc                      | Chiếc  | 03       |
| 74  | Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn              | Chiếc  | 03       |

| STT | Tên thiết bị                         | Đơn vị | Số lượng |
|-----|--------------------------------------|--------|----------|
| 75  | Hộp đựng dung dịch khử khuẩn         | Chiếc  | 03       |
| 76  | Hộp đựng khăn vô khuẩn               | Chiếc  | 03       |
| 77  | Hộp thuốc cấp cứu phản vệ            | Bộ     | 03       |
| 78  | Hộp tròn inox                        | Chiếc  | 03       |
| 79  | Hộp inox đựng bông cầu               | Chiếc  | 03       |
| 80  | Hộp tròn đựng bông còn               | Chiếc  | 03       |
| 81  | Kéo                                  | Bộ     | 03       |
|     | Mỗi bộ bao gồm                       |        |          |
|     | Kéo cong                             | Chiếc  | 01       |
|     | Kéo thẳng                            | Chiếc  | 01       |
|     | Kéo cắt chỉ                          | Chiếc  | 01       |
|     | Kéo đầu tù                           | Chiếc  | 01       |
| 82  | Kẹp phẫu tích                        | Chiếc  | 03       |
| 83  | Kẹp phẫu tích có máu                 | Chiếc  | 03       |
| 84  | Khăn tắm                             | Chiếc  | 03       |
| 85  | Khăn rửa mặt                         | Chiếc  | 03       |
| 86  | Máng gội đầu                         | Chiếc  | 03       |
| 87  | Khay chữ nhật                        | Chiếc  | 03       |
| 88  | Khay hạt đậu                         | Chiếc  | 03       |
| 89  | Kim chọc dò                          | Chiếc  | 03       |
| 90  | Kim chọc dò Terumo                   | Chiếc  | 03       |
| 91  | Kim chọc dò tủy sống                 | Chiếc  | 03       |
| 92  | Kim khâu da                          | Chiếc  | 03       |
| 93  | Kim khâu da + chỉ line               | Chiếc  | 03       |
| 94  | Kìm mang kim                         | Chiếc  | 03       |
| 95  | Kìm mở miệng                         | Chiếc  | 03       |
| 96  | Lọ đựng phân                         | Chiếc  | 03       |
| 97  | Lược                                 | Chiếc  | 03       |
| 98  | Mask thở oxy                         | Chiếc  | 03       |
| 99  | Mô hình đa năng                      | Bộ     | 01       |
| 100 | Mô hình đặt ống thông dạ dày         | Chiếc  | 01       |
| 101 | Mô hình hồi sinh tim phổi            | Bộ     | 01       |
| 102 | Mô hình thông tiểu nam               | Chiếc  | 01       |
| 103 | Mô hình thông tiểu nữ                | Chiếc  | 01       |
| 104 | Mô hình thụt tháo                    | Bộ     | 01       |
| 105 | Mô hình tiêm bắp, tĩnh mạch cánh tay | Bộ     | 01       |
| 106 | Mô hình tiêm mông                    | Bộ     | 01       |
| 107 | Ống đong có chia vạch                | Chiếc  | 03       |
| 108 | Ống faucher                          | Chiếc  | 03       |

| STT | Tên thiết bị                                                                                                                        | Đơn vị | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------|
| 109 | Ống nghe tim phổi                                                                                                                   | Chiếc  | 03       |
| 110 | Ống nghiệm                                                                                                                          | Bộ     | 01       |
|     | Mỗi bộ gồm                                                                                                                          |        |          |
|     | Loại 20ml                                                                                                                           | Chiếc  | 03       |
|     | Giá đỡ ống nghiệm                                                                                                                   | Chiếc  | 01       |
|     | Giá kẹp ống nghiệm                                                                                                                  | Chiếc  | 01       |
| 111 | Ống nội khí quản                                                                                                                    | Chiếc  | 03       |
| 112 | Ống sonde Clini                                                                                                                     | Chiếc  | 03       |
| 113 | Ống sonde Levin                                                                                                                     | Chiếc  | 03       |
| 114 | Ống sonde Nelaton các cỡ (số 6, 8, 10, 12)                                                                                          | Chiếc  | 03       |
| 115 | Bộ panh                                                                                                                             | Bộ     | 03       |
|     | Mỗi bộ bao gồm                                                                                                                      |        |          |
|     | Loại cong có máu                                                                                                                    | Chiếc  | 01       |
|     | Loại cong không máu                                                                                                                 | Chiếc  | 01       |
|     | Loại thẳng có máu                                                                                                                   | Chiếc  | 01       |
|     | Loại thẳng không máu                                                                                                                | Chiếc  | 01       |
| 116 | Panh Farabeuf                                                                                                                       | Chiếc  | 03       |
| 117 | Quả bóp cao su và sonde Nelaton                                                                                                     | Bộ     | 03       |
| 118 | Que bệt                                                                                                                             | Chiếc  | 03       |
| 119 | Săng 50 x 50 cm                                                                                                                     | Chiếc  | 03       |
| 120 | Săng có lỗ                                                                                                                          | Chiếc  | 03       |
| 121 | Săng mổ                                                                                                                             | Chiếc  | 03       |
| 122 | Sonde Catheter                                                                                                                      | Chiếc  | 03       |
| 123 | Tạp dề                                                                                                                              | Chiếc  | 03       |
| 124 | Thìa gạt                                                                                                                            | Chiếc  | 03       |
| 125 | Trụ cắm panh inox                                                                                                                   | Chiếc  | 03       |
| 126 | Túi chườm                                                                                                                           | Chiếc  | 03       |
| 127 | Túi đựng dụng cụ cấp cứu                                                                                                            | Túi    | 03       |
| 128 | Vò đập đá                                                                                                                           | Chiếc  | 03       |
| 129 | Xô                                                                                                                                  | Chiếc  | 03       |
| 130 | Thùng rác y tế                                                                                                                      | Chiếc  | 01       |
| 131 | Bộ tranh vẽ: tim mạch, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, cơ quan tạo máu, xử trí ngộ độc cấp, say nắng, say nóng, ngạt nước, rắn cắn,... | Bộ     | 01       |
| 132 | Bộ tranh quy trình kỹ thuật điều dưỡng                                                                                              | Bộ     | 01       |

### 5. Phòng thực hành Cấp cứu và chăm sóc tích cực

| STT | Tên thiết bị                                                                                       | Đơn vị | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------|
| 1   | Máy vi tính                                                                                        | Bộ     | 01       |
| 2   | Máy chiếu (Projector)                                                                              | Bộ     | 01       |
| 3   | Giường người bệnh                                                                                  | Chiếc  | 01       |
| 4   | Chăn                                                                                               | Chiếc  | 01       |
| 5   | Đệm                                                                                                | Chiếc  | 01       |
| 6   | Đệm hơi, nước                                                                                      | Chiếc  | 01       |
| 7   | Ga trải giường                                                                                     | Chiếc  | 01       |
| 8   | Gối                                                                                                | Chiếc  | 01       |
| 9   | Sắc trải giường                                                                                    | Chiếc  | 01       |
| 10  | Tấm lót                                                                                            | Chiếc  | 01       |
| 11  | Tủ đầu giường                                                                                      | Chiếc  | 01       |
| 12  | Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe                                                                     | Bộ     | 01       |
| 13  | Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe                                                               | Bộ     | 01       |
| 14  | Huyết áp kế điện tử                                                                                | Chiếc  | 01       |
| 15  | Máy truyền dịch (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                           | Bộ     | 01       |
| 16  | Máy điện tim (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                              | Bộ     | 01       |
| 17  | Máy monitoring theo dõi dấu hiệu sinh tồn (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng) | Bộ     | 01       |
| 18  | Máy thở (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                                   | Bộ     | 01       |
| 19  | Máy phá rung (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                              | Bộ     | 01       |
| 20  | Phế dung kê (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                               | Bộ     | 01       |
| 21  | Máy nhỏ giọt thức ăn vào dạ dày (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)           | Chiếc  | 01       |
| 22  | Máy tiêm tĩnh mạch                                                                                 | Chiếc  | 01       |

| STT | Tên thiết bị                                                                                                | Đơn vị | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------|
| 23  | Xe đẩy dùng cho người bệnh                                                                                  | Chiếc  | 01       |
| 24  | Đèn đọc phim (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                                       | Chiếc  | 01       |
| 25  | Hệ thống khử khuẩn (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                                 | Bộ     | 01       |
| 26  | Bàn mổ tổng hợp (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                                    | Chiếc  | 01       |
| 27  | Bộ dụng cụ đặt nội khí quản khó có màn hình Camera (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng) | Bộ     | 01       |
| 28  | Bộ đèn nội khí quản khó 3 lưỡi (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                     | Bộ     | 01       |
| 29  | Máy hút dịch 2 bình                                                                                         | Chiếc  | 01       |
| 30  | Bàn chải mềm                                                                                                | Chiếc  | 01       |
| 31  | Băng chun                                                                                                   | Cuộn   | 01       |
| 32  | Băng cuộn                                                                                                   | Cuộn   | 01       |
| 33  | Băng Esmarch                                                                                                | Cuộn   | 01       |
| 34  | Bình làm ấm                                                                                                 | Chiếc  | 01       |
| 35  | Bình oxy                                                                                                    | Chiếc  | 01       |
| 36  | Bô                                                                                                          | Chiếc  | 01       |
| 37  | Bộ dây đo áp lực tĩnh mạch trung tâm                                                                        | Bộ     | 01       |
| 38  | Bô dẹt                                                                                                      | Chiếc  | 01       |
| 39  | Bô vệt                                                                                                      | Chiếc  | 01       |
| 40  | Bộ thử test đầu giường                                                                                      | Bộ     | 01       |
| 41  | Bơm tiêm                                                                                                    | Bộ     | 03       |
|     | Mỗi bộ bao gồm                                                                                              |        |          |
|     | Loại 20 ml                                                                                                  | Chiếc  | 01       |
|     | Loại 50 ml                                                                                                  | Chiếc  | 01       |
| 42  | Bồn đựng nước vô khuẩn, vòi có van gạt                                                                      | Chiếc  | 01       |

| STT | Tên thiết bị                 | Đơn vị | Số lượng |
|-----|------------------------------|--------|----------|
| 43  | Bóng ambu                    | Chiếc  | 03       |
| 44  | Chậu                         | Chiếc  | 01       |
| 45  | Cốc                          | Chiếc  | 01       |
| 46  | Cốc đựng thuốc               | Chiếc  | 01       |
| 47  | Phích đựng nước nóng         | Chiếc  | 01       |
| 48  | Túi chườm                    | Chiếc  | 01       |
| 49  | Vò đập đá                    | Chiếc  | 01       |
| 50  | Cốc chia vạch                | Chiếc  | 01       |
| 51  | Cọc truyền inox 2 tai treo   | Chiếc  | 01       |
| 52  | Dao mổ + cán dao             | Chiếc  | 01       |
| 53  | Dây garo và gối nhỏ          | Bộ     | 01       |
| 54  | Dây truyền                   | Chiếc  | 01       |
| 55  | Đè lưỡi                      | Chiếc  | 01       |
| 56  | Đèn soi thanh quản           | Chiếc  | 01       |
| 57  | Hộp inox chữ nhật            | Chiếc  | 01       |
| 58  | Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn    | Chiếc  | 01       |
| 59  | Hộp đựng dung dịch khử khuẩn | Chiếc  | 01       |
| 60  | Hộp đựng khăn vô khuẩn       | Chiếc  | 01       |
| 61  | Hộp thuốc cấp cứu phản vệ    | Bộ     | 01       |
| 62  | Hộp tròn inox                | Chiếc  | 01       |
| 63  | Hộp tròn đựng bông cotton    | Chiếc  | 01       |
| 64  | Kéo                          | Bộ     | 03       |
|     | Mỗi bộ bao gồm               |        |          |
|     | Kéo cong                     | Chiếc  | 01       |

| STT | Tên thiết bị                                  | Đơn vị | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------|--------|----------|
|     | Kéo thẳng                                     | Chiếc  | 01       |
|     | Kéo cắt chỉ                                   | Chiếc  | 01       |
|     | Kéo đầu tù                                    | Chiếc  | 01       |
| 65  | Kẹp phẫu tích                                 | Chiếc  | 01       |
| 66  | Kẹp phẫu tích có máu                          | Chiếc  | 01       |
| 67  | Khăn tắm                                      | Chiếc  | 01       |
| 68  | Khay chữ nhật                                 | Chiếc  | 01       |
| 69  | Khay hạt đậu                                  | Chiếc  | 01       |
| 70  | Kim khâu da                                   | Chiếc  | 01       |
| 71  | Kim khâu da + chỉ line                        | Chiếc  | 01       |
| 72  | Kìm mang kim                                  | Chiếc  | 01       |
| 73  | Kìm mở miệng                                  | Chiếc  | 01       |
| 74  | Mask thở oxy                                  | Chiếc  | 01       |
| 75  | Mô hình đa năng                               | Bộ     | 01       |
| 76  | Ống faucher                                   | Chiếc  | 01       |
| 77  | Ống nghiệm                                    | Bộ     | 01       |
|     | Mỗi bộ gồm                                    |        |          |
|     | Loại 20ml                                     | Chiếc  | 03       |
|     | Giá đỡ ống nghiệm                             | Chiếc  | 01       |
|     | Giá kẹp ống nghiệm                            | Chiếc  | 01       |
| 78  | Ống nội khí quản                              | Chiếc  | 01       |
| 79  | Ống sonde Nelaton các cỡ<br>(số 6, 8, 10, 12) | Chiếc  | 01       |
| 80  | Bộ panh                                       | Bộ     | 01       |
|     | Mỗi bộ bao gồm                                |        |          |

| STT | Tên thiết bị                                                            | Đơn vị | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|--------|----------|
|     | Loại cong có máu                                                        | Chiếc  | 01       |
|     | Loại cong không máu                                                     | Chiếc  | 01       |
|     | Loại thẳng có máu                                                       | Chiếc  | 01       |
|     | Loại thẳng không máu                                                    | Chiếc  | 01       |
| 81  | Trụ cắm panh inox                                                       | Chiếc  | 01       |
| 82  | Săng 50 x 50 cm                                                         | Chiếc  | 01       |
| 83  | Săng có lỗ                                                              | Chiếc  | 01       |
| 84  | Săng mổ                                                                 | Chiếc  | 01       |
| 85  | Sonde Catheter                                                          | Chiếc  | 01       |
| 86  | Ống sonde Levin                                                         | Chiếc  | 01       |
| 87  | Tạp dề                                                                  | Chiếc  | 01       |
| 88  | Thìa gạt                                                                | Chiếc  | 01       |
| 89  | Xô                                                                      | Chiếc  | 01       |
| 90  | Phim chụp XQ/MRI, CT-scanner điển hình như: Thủng dạ dày, gãy xương,... | Bộ     | 01       |
| 91  | Bộ tranh quy trình cấp cứu                                              | Bộ     | 01       |

#### 6. Phòng thực hành Chăm sóc người bệnh tại buồng bệnh

| STT | Tên thiết bị          | Đơn vị | Số lượng |
|-----|-----------------------|--------|----------|
| 1   | Máy vi tính           | Bộ     | 01       |
| 2   | Máy chiếu (Projector) | Bộ     | 01       |
| 3   | Giường người bệnh     | Chiếc  | 01       |
| 4   | Chăn                  | Chiếc  | 01       |
| 5   | Đệm                   | Chiếc  | 01       |
| 6   | Đệm hơi, nước         | Chiếc  | 01       |
| 7   | Ga trải giường        | Chiếc  | 01       |

| STT | Tên thiết bị                                                                                               | Đơn vị | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------|
| 8   | Gối                                                                                                        | Chiếc  | 01       |
| 9   | Săng trải giường                                                                                           | Chiếc  | 01       |
| 10  | Tấm lót                                                                                                    | Chiếc  | 01       |
| 11  | Tủ đầu giường                                                                                              | Chiếc  | 01       |
| 12  | Xe đẩy dụng cụ, thuốc                                                                                      | Chiếc  | 01       |
| 13  | Đèn Clar                                                                                                   | Chiếc  | 01       |
| 14  | Loa soi tai                                                                                                | Chiếc  | 01       |
| 15  | Đèn soi đáy mắt                                                                                            | Chiếc  | 01       |
| 16  | Bàn khám và điều trị tai mũi họng đa năng (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)         | Chiếc  | 01       |
| 17  | Bộ gối đỡ đầu cho người bệnh xạ trị (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)               | Bộ     | 01       |
| 18  | Bộ khám nội soi tai mũi họng (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                      | Bộ     | 01       |
| 19  | Đèn đọc phim cộng hưởng từ 2 cửa (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                  | Chiếc  | 01       |
| 20  | Máy đo nồng độ bão hòa Oxy trong máu SpO2 cầm tay (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng) | Chiếc  | 01       |
| 21  | Máy kiểm soát nhiệt độ người bệnh (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                 | Chiếc  | 01       |
| 22  | Máy theo dõi người bệnh 5 thông số (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                | Chiếc  | 01       |
| 23  | Máy cạo râu                                                                                                | Chiếc  | 01       |
| 24  | Máy hút dịch 2 bình                                                                                        | Chiếc  | 01       |
| 25  | Máy khí rung                                                                                               | Chiếc  | 01       |
| 26  | Máy sấy tóc                                                                                                | Chiếc  | 01       |
| 27  | Bàn chải                                                                                                   | chiếc  | 01       |
| 28  | Băng chun                                                                                                  | Cuộn   | 01       |
| 29  | Băng cuộn                                                                                                  | Cuộn   | 01       |
| 30  | Bảng đo thị lực                                                                                            | Chiếc  | 01       |

| STT | Tên thiết bị                  | Đơn vị | Số lượng |
|-----|-------------------------------|--------|----------|
| 31  | Băng Esmarch                  | Cuộn   | 01       |
| 32  | Bát và 2 thìa                 | Bộ     | 01       |
| 33  | Bình phong                    | Chiếc  | 01       |
| 34  | Bô                            | Chiếc  | 01       |
| 35  | Bô dẹt                        | Chiếc  | 01       |
| 36  | Bô vệt                        | Chiếc  | 01       |
| 37  | Bốc thụt                      | Chiếc  | 01       |
| 38  | Bộ thử test đầu giường        | Bộ     | 01       |
| 39  | Bơm tiêm                      | Bộ     | 19       |
|     | Mỗi bộ bao gồm                |        |          |
|     | Loại 20 ml                    | Chiếc  | 01       |
|     | Loại 50 ml                    | Chiếc  | 01       |
| 40  | Ca                            | Chiếc  | 01       |
| 41  | Bình đựng nước nguội          | Chiếc  | 01       |
| 42  | Canuyn và khóa van            | Chiếc  | 01       |
| 43  | Chậu                          | Chiếc  | 01       |
| 44  | Chậu inox                     | Chiếc  | 01       |
| 45  | Cốc đựng bông tẩm dầu Parafin | Chiếc  | 01       |
| 46  | Cốc                           | Chiếc  | 01       |
| 47  | Cốc đựng thức ăn              | Chiếc  | 01       |
| 48  | Cọc truyền inox 2 tai treo    | Chiếc  | 01       |
| 49  | Dây cao su mềm                | Chiếc  | 01       |
| 50  | Dây garo và gối nhỏ           | Bộ     | 03       |
| 51  | Dây truyền                    | Chiếc  | 01       |

| STT | Tên thiết bị              | Đơn vị | Số lượng |
|-----|---------------------------|--------|----------|
| 52  | Đè lưới                   | Chiếc  | 03       |
| 53  | Dụng cụ đo nhãn áp        | Chiếc  | 01       |
| 54  | Hộp đựng bông gạc         | Chiếc  | 01       |
| 55  | Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn | Chiếc  | 01       |
| 56  | Hộp thuốc cấp cứu phản vệ | Bộ     | 01       |
| 57  | Hộp inox đựng bông cầu    | Chiếc  | 01       |
| 58  | Hộp tròn đựng bông còn    | Chiếc  | 01       |
| 59  | Hộp tròn inox             | Chiếc  | 01       |
| 60  | Kéo                       | Bộ     | 03       |
|     | Mỗi bộ bao gồm            |        |          |
|     | Kéo cong                  | Chiếc  | 01       |
|     | Kéo thẳng                 | Chiếc  | 01       |
|     | Kéo cắt chỉ               | Chiếc  | 01       |
|     | Kéo đầu tù                | Chiếc  | 01       |
| 61  | Kẹp gấp                   | Chiếc  | 01       |
| 62  | Kẹp phẫu tích             | Chiếc  | 01       |
| 63  | Kẹp phẫu tích có máu      | Chiếc  | 01       |
| 64  | Khăn rửa mặt              | Chiếc  | 01       |
| 65  | Gương + cán gương         | Chiếc  | 01       |
| 66  | Lược                      | Chiếc  | 01       |
| 67  | Máng gội đầu              | Chiếc  | 01       |
| 68  | Khay chữ nhật             | Chiếc  | 01       |
| 69  | Khay hạt đậu              | Chiếc  | 01       |
| 70  | Kìm mở miệng              | Chiếc  | 01       |

| STT | Tên thiết bị                    | Đơn vị | Số lượng |
|-----|---------------------------------|--------|----------|
| 71  | Ống nghe tim phổi               | Chiếc  | 01       |
| 72  | Ống sonde Clini                 | Chiếc  | 01       |
| 73  | Ống sonde Levin                 | Chiếc  | 01       |
| 74  | Bộ panh                         | Bộ     | 01       |
|     | Mỗi bộ bao gồm                  |        |          |
|     | Loại cong có máu                | Chiếc  | 01       |
|     | Loại cong không máu             | Chiếc  | 01       |
|     | Loại thẳng có máu               | Chiếc  | 01       |
|     | Loại thẳng không máu            | Chiếc  | 01       |
| 75  | Panh mở mũi                     | Chiếc  | 01       |
| 76  | Trụ cắm panh inox               | Chiếc  | 01       |
| 77  | Quả bóp cao su và sonde Nelaton | Bộ     | 01       |
| 78  | Que bệt                         | Chiếc  | 01       |
| 79  | Săng 50 x 50 cm                 | Chiếc  | 01       |
| 80  | Săng có lỗ                      | Chiếc  | 01       |
| 81  | Săng mỡ                         | Chiếc  | 01       |
| 82  | Thám châm                       | Chiếc  | 01       |
| 83  | Xô                              | Chiếc  | 01       |

### 7. Phòng thực hành Sản, nhi, kế hoạch hóa gia đình

| STT | Tên thiết bị          | Đơn vị | Số lượng |
|-----|-----------------------|--------|----------|
| 1   | Máy vi tính           | Bộ     | 01       |
| 2   | Máy chiếu (Projector) | Bộ     | 01       |
| 3   | Giường người bệnh     | Chiếc  | 01       |
| 4   | Chăn                  | Chiếc  | 01       |
| 5   | Ga trải giường        | Chiếc  | 01       |

| STT | Tên thiết bị                                                                                  | Đơn vị | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------|
| 6   | Gối                                                                                           | Chiếc  | 01       |
| 7   | Đệm                                                                                           | Chiếc  | 01       |
| 8   | Tủ đầu giường                                                                                 | Chiếc  | 01       |
| 9   | Xe đẩy dụng cụ, thuốc                                                                         | Chiếc  | 01       |
| 10  | Cân, thước đo chiều cao người lớn                                                             | Chiếc  | 01       |
| 11  | Bàn khám phụ khoa                                                                             | Bộ     | 01       |
| 12  | Đèn khám phụ khoa                                                                             | Chiếc  | 01       |
| 13  | Bàn đỡ                                                                                        | Chiếc  | 01       |
| 14  | Máy Monitor sản khoa (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                 | Chiếc  | 01       |
| 15  | Cân trẻ em sơ sinh                                                                            | Chiếc  | 01       |
| 16  | Lồng ấp sơ sinh (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                      | Chiếc  | 01       |
| 17  | Máy đo huyết áp trẻ em                                                                        | Chiếc  | 01       |
| 18  | Đồng hồ bấm giây                                                                              | Chiếc  | 01       |
| 19  | Nhiệt kế điện tử                                                                              | Chiếc  | 01       |
| 20  | Thiết bị hút thai chân không (1 van, 2 van)                                                   | Bộ     | 01       |
| 21  | Bồn rửa tay tiết trùng (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)               | Chiếc  | 01       |
| 22  | Dàn đèn điều trị vàng da trẻ sơ sinh (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng) | Chiếc  | 01       |
| 23  | Máy thở trẻ em (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                       | Chiếc  | 01       |
| 24  | Bếp từ đơn                                                                                    | Chiếc  | 03       |
| 25  | Máy hút dịch 2 bình                                                                           | Chiếc  | 01       |
| 26  | Máy thử nước tiểu 10 thông số                                                                 | Chiếc  | 01       |
| 27  | Máy xay sinh tố                                                                               | Chiếc  | 01       |
| 28  | Bình oxy                                                                                      | Chiếc  | 01       |
| 29  | Bốc + dây cao su                                                                              | Bộ     | 03       |
| 30  | Chậu tắm trẻ sơ sinh                                                                          | Chiếc  | 02       |
| 31  | Cốc                                                                                           | Chiếc  | 03       |
| 32  | Cốc chia vạch                                                                                 | Chiếc  | 03       |
| 33  | Cốc đựng dung dịch sát khuẩn                                                                  | Chiếc  | 03       |

| STT | Tên thiết bị                   | Đơn vị | Số lượng |
|-----|--------------------------------|--------|----------|
| 34  | Dao mổ + cán dao               | Chiếc  | 03       |
| 35  | Dây nối hồi sức sơ sinh        | Chiếc  | 03       |
| 36  | Đèn sưởi ấm                    | Chiếc  | 03       |
| 37  | Đũa, thìa                      | Chiếc  | 03       |
| 38  | Dụng cụ tử cung Mirena         | Chiếc  | 03       |
| 39  | Dụng cụ tử cung Multiload      | Chiếc  | 03       |
| 40  | Dụng cụ tử cung TCu 380A       | Chiếc  | 03       |
| 41  | Hộp đựng dụng cụ               | Chiếc  | 03       |
| 42  | Hộp đựng dung dịch sát khuẩn   | Chiếc  | 03       |
| 43  | Hộp đựng kim loại có nắp kín   | Chiếc  | 03       |
| 44  | Hộp inox chữ nhật              | Chiếc  | 03       |
| 45  | Kéo                            | Bộ     | 03       |
|     | Mỗi bộ bao gồm                 |        |          |
|     | Kéo cong                       | Chiếc  | 01       |
|     | Kéo thẳng                      | Chiếc  | 01       |
|     | Kéo cắt chỉ                    | Chiếc  | 01       |
|     | Kéo đầu tù                     | Chiếc  | 01       |
| 46  | Kéo cắt móng tay có nắp bảo vệ | Chiếc  | 03       |
| 47  | Bộ Kẹp                         | Bộ     | 03       |
|     | Mỗi bộ gồm                     |        |          |
|     | Kẹp cố định thùng tinh         | Chiếc  | 01       |
|     | Kẹp cổ tử cung                 | Chiếc  | 01       |
|     | Kẹp hình tim                   | Chiếc  | 01       |
|     | Kẹp kim                        | Chiếc  | 01       |
|     | Kẹp sãng                       | Chiếc  | 01       |
|     | Kẹp sát khuẩn                  | Chiếc  | 01       |
|     | Kẹp thẳng                      | Chiếc  | 01       |
|     | Kẹp tròn                       | Chiếc  | 01       |
| 48  | Kẹp phẫu tích                  | Chiếc  | 03       |
| 49  | Kẹp phẫu tích có máu           | Chiếc  | 03       |
| 50  | Khay chữ nhật                  | Chiếc  | 03       |
| 51  | Khay hạt đậu                   | Chiếc  | 03       |
| 52  | Kim 3 cạnh                     | Chiếc  | 03       |

| STT | Tên thiết bị                                 | Đơn vị | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------|--------|----------|
| 53  | Kim khâu (tròn, 3 cạnh)                      | Chiếc  | 03       |
| 54  | Kìm mang kim                                 | Chiếc  | 03       |
| 55  | Lược mềm                                     | Chiếc  | 03       |
| 56  | Mặt nạ, bóp bóng                             | Bộ     | 03       |
| 57  | Mô hình bộ phận ngoài cơ quan sinh dục nữ    | Bộ     | 01       |
| 58  | Mô hình cơ quan sinh dục nam                 | Bộ     | 01       |
| 59  | Mô hình khung chậu nữ                        | Bộ     | 01       |
| 60  | Mô hình phát triển của trứng và bào thai     | Bộ     | 01       |
| 61  | Mô hình phôi thai từ tháng 1 đến tháng thứ 9 | Bộ     | 01       |
| 62  | Mô hình thai nhi đủ tháng                    | Bộ     | 01       |
| 63  | Mô hình tử cung, vòi trứng, buồng trứng      | Bộ     | 01       |
| 64  | Mỏ vịt                                       | Chiếc  | 03       |
| 65  | Móc dụng cụ tử cung                          | Chiếc  | 03       |
| 66  | Móc vòi trứng                                | Chiếc  | 03       |
| 67  | Nĩa (không máu + có máu)                     | Chiếc  | 03       |
| 68  | Nồi                                          | Chiếc  | 03       |
| 69  | Nong cổ tử cung các số                       | Bộ     | 03       |
| 70  | Ống hút nhót                                 | Chiếc  | 03       |
| 71  | Ống nghe tim thai                            | Chiếc  | 03       |
| 72  | Bộ panh                                      | Bộ     | 03       |
|     | Mỗi bộ bao gồm                               |        |          |
|     | Loại cong có máu                             | Chiếc  | 01       |
|     | Loại cong không máu                          | Chiếc  | 01       |
|     | Loại thẳng có máu                            | Chiếc  | 01       |
|     | Loại thẳng không máu                         | Chiếc  | 01       |
| 73  | Panh Farabeuf                                | Chiếc  | 03       |
| 74  | Trụ cắm panh inox                            | Chiếc  | 03       |
| 75  | Quả hút mũi                                  | Chiếc  | 03       |
| 76  | Thìa                                         | Chiếc  | 03       |
| 77  | Thìa gạt                                     | Chiếc  | 03       |
| 78  | Thìa nạo (đặc + rỗng)                        | Chiếc  | 03       |
| 79  | Thước đo buồng tử cung                       | Chiếc  | 03       |
| 80  | Thước đo khung chậu                          | Chiếc  | 03       |
| 81  | Van âm đạo                                   | Chiếc  | 03       |

| STT | Tên thiết bị                                                                                                            | Đơn vị | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------|
| 82  | Bộ tranh về giải phẫu, sinh lý sinh dục nam, nữ, quá trình thai nghén, vệ sinh phụ nữ, dân số kế hoạch hóa gia đình,... | Bộ     | 01       |
| 83  | Bộ tranh quy trình chuyên môn, bảng quản lý thai nghén, túi đựng phiếu khám thai                                        | Bộ     | 01       |

#### 8. Phòng thực hành Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng - Dược

| STT | Tên thiết bị                                                              | Đơn vị | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|--------|----------|
| 1   | Máy vi tính                                                               | Bộ     | 01       |
| 2   | Máy chiếu (Projector)                                                     | Bộ     | 01       |
| 3   | Giường người bệnh                                                         | Chiếc  | 01       |
| 4   | Gối                                                                       | Chiếc  | 01       |
| 5   | Tủ thuốc đông y                                                           | Chiếc  | 01       |
| 6   | Xe đẩy dụng cụ, thuốc                                                     | Chiếc  | 01       |
| 7   | Máy điện châm                                                             | Chiếc  | 01       |
| 8   | Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe                                            | Bộ     | 01       |
| 9   | Tủ đựng thuốc tây y                                                       | Chiếc  | 01       |
| 10  | Tủ lạnh                                                                   | Chiếc  | 01       |
| 11  | Máy xoa bóp                                                               | Chiếc  | 01       |
| 12  | Ấm sắc thuốc đông y                                                       | Bộ     | 01       |
| 13  | Máy kéo cột sống (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng) | Chiếc  | 01       |
| 14  | Máy sóng ngắn (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)    | Chiếc  | 01       |
| 15  | Máy điện phân (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)    | Chiếc  | 01       |
| 16  | Máy tập đi bộ (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)    | Chiếc  | 01       |
| 17  | Xe đạp tập chân (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)  | Chiếc  | 01       |
| 18  | Đèn hồng ngoại                                                            | Chiếc  | 01       |
| 19  | Bàn vận động (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)     | Chiếc  | 01       |
| 20  | Xe lăn                                                                    | Chiếc  | 01       |

|    |                                                                                             |       |    |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----|
| 21 | Khung tập đi                                                                                | Bộ    | 01 |
| 22 | Tạ tay                                                                                      | Bộ    | 03 |
| 23 | Đệm vận động cột sống lưng                                                                  | Chiếc | 01 |
| 24 | Giường chăm sóc người bệnh đa năng (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng) | Chiếc | 01 |
| 25 | Máy điện châm đa năng (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)              | Chiếc | 01 |
| 26 | Tượng các huyết                                                                             | Chiếc | 01 |
| 27 | Bộ vị thuốc mẫu y học cổ truyền                                                             | Bộ    | 01 |
| 28 | Kim châm cứu                                                                                | Bộ    | 01 |
| 29 | Dụng cụ chia thuốc, gói thuốc                                                               | Chiếc | 01 |
| 30 | Chậu                                                                                        | Chiếc | 01 |
| 31 | Cốc                                                                                         | Chiếc | 01 |
| 32 | Hộp đựng bông gạc                                                                           | Chiếc | 01 |
| 33 | Khăn tắm                                                                                    | Chiếc | 01 |
| 34 | Khay chữ nhật                                                                               | Chiếc | 01 |
| 35 | Bộ panh                                                                                     | Bộ    | 01 |
|    | Mỗi bộ bao gồm                                                                              |       |    |
|    | Loại cong có mấu                                                                            | Chiếc | 01 |
|    | Loại cong không mấu                                                                         | Chiếc | 01 |
|    | Loại thẳng có mấu                                                                           | Chiếc | 01 |
|    | Loại thẳng không mấu                                                                        | Chiếc | 01 |
| 36 | Phích đựng nước nóng                                                                        | Chiếc | 01 |
| 37 | Trụ cắm panh inox                                                                           | Chiếc | 01 |
| 38 | Túi chườm                                                                                   | Chiếc | 01 |
| 39 | Vò đập đá                                                                                   | Chiếc | 01 |
| 40 | Bộ tranh các huyết đông y                                                                   | Bộ    | 01 |
| 41 | Dược thư và sách hướng dẫn sử dụng thuốc                                                    | Bộ    | 01 |

## 9. Phòng thực hành Giải phẫu

| STT | Tên thiết bị                                   | Đơn vị | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------|--------|----------|
| 1   | Máy vi tính                                    | Bộ     | 01       |
| 2   | Máy chiếu (Projector)                          | Bộ     | 01       |
| 3   | Bảng phooc                                     | Chiếc  | 01       |
| 4   | Mô hình bộ xương người tháo rời                | Bộ     | 01       |
| 5   | Mô hình hộp sọ                                 | Bộ     | 01       |
| 6   | Mô hình cơ thể bán thân + nội tạng             | Bộ     | 01       |
| 7   | Mô hình cơ thể bán thân hệ cơ                  | Bộ     | 01       |
| 8   | Mô hình hệ cơ bán thân có đầu                  | Bộ     | 01       |
| 9   | Mô hình hệ cơ toàn thân                        | Bộ     | 01       |
| 10  | Mô hình cơ cánh tay                            | Bộ     | 01       |
| 11  | Mô hình giải phẫu toàn thân                    | Bộ     | 01       |
| 12  | Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên  | Bộ     | 01       |
| 13  | Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới  | Bộ     | 01       |
| 14  | Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương đầu - mặt - cổ  | Bộ     | 01       |
| 15  | Mô hình giải phẫu hệ tuần hoàn                 | Bộ     | 01       |
| 16  | Mô hình tim                                    | Chiếc  | 03       |
| 17  | Mô hình giải phẫu hệ hô hấp                    | Bộ     | 01       |
| 18  | Mô hình phổi                                   | Chiếc  | 03       |
| 19  | Mô hình giải phẫu hệ tiêu hoá                  | Bộ     | 01       |
| 20  | Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu                 | Bộ     | 03       |
| 21  | Mô hình giải phẫu hệ thần kinh                 | Bộ     | 03       |
| 22  | Mô hình cơ quan sinh dục nam                   | Bộ     | 01       |
| 23  | Mô hình bộ phận ngoài cơ quan sinh dục nữ      | Bộ     | 01       |
| 24  | Mô hình tử cung, vòi trứng, buồng trứng        | Bộ     | 01       |
| 25  | Mô hình giải phẫu tai mũi họng                 | Bộ     | 03       |
| 26  | Mô hình mắt                                    | Bộ     | 03       |
| 27  | Mô hình da phóng đại                           | Chiếc  | 03       |
| 28  | Mô hình tai phóng đại                          | Chiếc  | 03       |
| 29  | Mô hình não                                    | Chiếc  | 03       |
| 30  | Mô hình cắt ngang tuỷ sống                     | Chiếc  | 03       |
| 31  | Mô hình cắt dọc qua mũi, miệng, hầu            | Chiếc  | 03       |
| 32  | Mô hình cắt đứng qua hông chậu nữ              | Chiếc  | 03       |
| 33  | Mô hình chi trên/chi dưới cắt lớp              | Bộ     | 03       |
| 34  | Mô hình cắt lớp đầu, mặt                       | Chiếc  | 03       |
| 35  | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý máu và tế bào máu | Bộ     | 01       |
| 36  | Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên | Bộ     | 01       |
| 37  | Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới | Bộ     | 01       |
| 38  | Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương đầu, mặt, cổ   | Bộ     | 01       |
| 39  | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ tuần hoàn      | Bộ     | 01       |

| STT | Tên thiết bị                                 | Đơn vị | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------|--------|----------|
| 40  | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ hô hấp       | Bộ     | 01       |
| 41  | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ tiết niệu    | Bộ     | 01       |
| 42  | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thần kinh    | Bộ     | 01       |
| 43  | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nam | Bộ     | 01       |
| 44  | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nữ  | Bộ     | 01       |
| 45  | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý răng miệng      | Bộ     | 01       |
| 46  | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý da              | Bộ     | 01       |
| 47  | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thị giác     | Bộ     | 01       |
| 48  | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thính giác   | Bộ     | 01       |
| 49  | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ khứu giác    | Bộ     | 01       |
| 50  | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ vị giác      | Bộ     | 01       |

#### 10. Phòng thực hành Sinh lý, hóa sinh, vi sinh – ký sinh trùng

| STT | Tên thiết bị                                                          | Đơn vị | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|--------|----------|
| 1   | Máy vi tính                                                           | Bộ     | 01       |
| 2   | Máy chiếu (Projector)                                                 | Bộ     | 01       |
| 3   | Kính hiển vi quang học                                                | Chiếc  | 06       |
| 4   | Máy li tâm                                                            | Chiếc  | 01       |
| 5   | Máy điện tim (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng) | Bộ     | 01       |
| 6   | Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe                                  | Bộ     | 01       |
| 7   | Đồng hồ bấm giây                                                      | Chiếc  | 01       |
| 8   | Nhiệt kế thủy ngân                                                    | Bộ     | 01       |
| 9   | Tủ an toàn sinh học                                                   | Chiếc  | 01       |
| 10  | Nồi hấp                                                               | Chiếc  | 01       |
| 11  | Cân kỹ thuật                                                          | Chiếc  | 01       |
| 12  | Nồi cách thủy                                                         | Chiếc  | 01       |
| 13  | Tủ âm                                                                 | Chiếc  | 01       |
| 14  | Bộ bình cầu                                                           | Bộ     | 01       |
|     | Mỗi bộ bao gồm                                                        |        |          |
|     | Loại 100ml                                                            | Chiếc  | 01       |
|     | Loại 250ml                                                            | Chiếc  | 01       |
|     | Loại 500ml                                                            | Chiếc  | 01       |
|     | Loại 1000ml                                                           | Chiếc  | 01       |
| 15  | Bộ bình nón                                                           | Bộ     | 01       |
|     | Mỗi bộ bao gồm                                                        |        |          |
|     | Loại 100ml                                                            | Chiếc  | 01       |

| STT | Tên thiết bị                                    | Đơn vị | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------|--------|----------|
|     | Loại 250ml                                      | Chiếc  | 01       |
|     | Loại 500ml                                      | Chiếc  | 01       |
| 16  | Bô                                              | Chiếc  | 01       |
| 17  | Cốc                                             | Chiếc  | 01       |
|     | Cốc có mỏ                                       | Bộ     | 01       |
|     | Mỗi bộ bao gồm                                  |        |          |
| 18  | Loại 50ml                                       | Chiếc  | 01       |
|     | Loại 100ml                                      | Chiếc  | 01       |
|     | Loại 250ml                                      | Chiếc  | 01       |
|     | Loại 500ml                                      | Chiếc  | 01       |
| 19  | Dây garo và gối nhỏ                             | Bộ     | 01       |
| 20  | Dụng cụ xét nghiệm thời gian máu chảy, máu đông | Chiếc  | 01       |
| 21  | Giá để dụng cụ thủy tinh                        | Chiếc  | 01       |
| 22  | Giá để tiêu bản                                 | Chiếc  | 01       |
| 23  | Gối                                             | Chiếc  | 01       |
| 24  | Hộp tròn đựng bông cotton                       | Chiếc  | 01       |
| 25  | Hộp thuốc cấp cứu phản vệ                       | Bộ     | 01       |
| 26  | Khay chữ nhật                                   | Chiếc  | 01       |
| 27  | Khay chứa máu                                   | Chiếc  | 01       |
| 28  | Khay hạt đậu                                    | Chiếc  | 01       |
| 29  | Kim lấy máu                                     | Chiếc  | 01       |
| 30  | Lá kính (lamen)                                 | Chiếc  | 01       |
| 31  | Lọ đựng phân                                    | Chiếc  | 01       |
| 32  | Ống đong có chia vạch                           | Chiếc  | 01       |
|     | Ống nghiệm                                      | Bộ     | 01       |
|     | Mỗi bộ gồm                                      |        |          |
| 33  | Loại 20ml                                       | Chiếc  | 03       |
|     | Giá đỡ ống nghiệm                               | Chiếc  | 01       |
|     | Giá kẹp ống nghiệm                              | Chiếc  | 01       |
|     | Bộ panh                                         | Bộ     | 01       |
|     | Mỗi bộ bao gồm                                  |        |          |
| 34  | Loại cong có mẫu                                | Chiếc  | 01       |
|     | Loại cong không mẫu                             | Chiếc  | 01       |
|     | Loại thẳng có mẫu                               | Chiếc  | 01       |
|     | Loại thẳng không mẫu                            | Chiếc  | 01       |
| 35  | Trụ cắm panh inox                               | Chiếc  | 01       |
| 36  | Pipet                                           | Chiếc  | 01       |
| 37  | Ống sonde Nelaton các cỡ (số 6, 8, 10, 12)      | Chiếc  | 01       |
| 38  | Bộ tiêu bản mẫu ký sinh trùng sốt rét,...       | Bộ     | 01       |

| STT | Tên thiết bị                                                                                                                                                                       | Đơn vị | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------|
| 39  | Bộ tiêu bản mẫu các loại trứng, ấu trùng giun, sán, đơn bào, trùng roi, trùng lông, a míp, nấm                                                                                     | Bộ     | 01       |
| 40  | Bộ tiêu bản mẫu vi khuẩn, virus thường gặp: lao, lậu, tụ cầu, tụ khuẩn, nhiễm sắc thể, tế bào,...                                                                                  | Bộ     | 01       |
| 41  | Bộ tranh/đĩa CD-ROM về các loại vi khuẩn, virus, vi sinh vật, phân bào, tế bào thần kinh, tế bào cơ,... và các loại giun, sán lá, ký sinh trùng sốt rét, côn trùng truyền bệnh,... | Bộ     | 01       |

### 11. Phòng thực hành Sức khỏe cộng đồng

| STT | Tên thiết bị                                                                                                                                        | Đơn vị | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------|
| 1   | Máy vi tính                                                                                                                                         | Bộ     | 01       |
| 2   | Máy chiếu (Projector)                                                                                                                               | Bộ     | 01       |
| 3   | Máy quay camera                                                                                                                                     | Bộ     | 01       |
| 4   | Tủ lạnh                                                                                                                                             | Chiếc  | 01       |
| 5   | Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe                                                                                                                | Bộ     | 01       |
| 6   | Nhiệt kế thủy ngân                                                                                                                                  | Bộ     | 01       |
| 7   | Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe                                                                                                                      | Bộ     | 01       |
| 8   | Huyết áp kế điện tử                                                                                                                                 | Chiếc  | 01       |
| 9   | Nhiệt kế điện tử                                                                                                                                    | Chiếc  | 01       |
| 10  | Thiết bị nghe nhìn và đĩa hình phục vụ truyền thông giáo dục sức khỏe                                                                               | Bộ     | 01       |
| 11  | Cân, thước đo chiều cao người lớn                                                                                                                   | Chiếc  | 01       |
| 12  | Đồng hồ bấm giây                                                                                                                                    | Chiếc  | 01       |
| 13  | Giường người bệnh                                                                                                                                   | Chiếc  | 01       |
| 14  | Chăn                                                                                                                                                | Chiếc  | 01       |
| 15  | Đệm                                                                                                                                                 | Chiếc  | 01       |
| 16  | Ga trải giường                                                                                                                                      | Chiếc  | 01       |
| 17  | Gối                                                                                                                                                 | Chiếc  | 01       |
| 18  | Túi thuốc sơ cứu cho tuyến cơ sở                                                                                                                    | Túi    | 01       |
| 19  | Bộ tranh về nước sạch, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng chống tai nạn thương tích                              | Bộ     | 01       |
| 20  | Bộ tranh về các côn trùng truyền bệnh, vệ sinh lao động, vệ sinh bệnh viện, trường học, trạm y tế, cá nhân, vệ sinh phòng dịch, xử lý chất thải,... | Bộ     | 01       |
| 21  | Bộ tranh về truyền thông giáo dục sức khỏe, các tranh, áp phích, tờ rơi về giáo dục sức khỏe, vệ sinh an toàn thực phẩm,...                         | Bộ     | 01       |
| 22  | Bộ tranh hướng dẫn bữa ăn đủ dinh dưỡng theo chế độ bệnh lý và trẻ em.                                                                              | Bộ     | 01       |
| 23  | Bộ tranh mô hình cung cấp nước sạch ở nông thôn, thành                                                                                              | Bộ     | 01       |

| <b>STT</b> | <b>Tên thiết bị</b>                                                                             | <b>Đơn vị</b> | <b>Số lượng</b> |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------|
|            | thị,...                                                                                         |               |                 |
| 24         | Bộ tranh mô hình hố xí sạch ở nông thôn, hố xí tự hoại, hố xí hai ngăn,...                      | Bộ            | 01              |
| 25         | Bộ tranh mô phỏng trạm y tế xã và các thiết bị trang bị cơ bản cho trạm y tế đạt chuẩn quốc gia | Bộ            | 01              |